

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 101/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;
Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học từ năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông và giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh Quảng Trị quản lý.

Điều 2. Quy định các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục của nhà trường

1. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục của nhà trường
 - Dạy học ngày 2 buổi (Cấp THCS; THPT và bổ túc THPT; THCS, THPT thực hiện thí điểm trường trọng điểm chất lượng cao hoặc mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế);
 - Học nghề và thi nghề Trung học phổ thông và bổ túc THPT;
 - Thu, chi thuê khoán nấu ăn và tổ chức bán trú (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông);
 - Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (Trang bị lần đầu và những năm tiếp theo)
 - Tiền ăn (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)
 - Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong các cơ sở giáo dục công lập vào ngày nghỉ, ngày hè;
 - Chương trình giáo dục tăng cường;
 - Phù hiệu, thẻ học sinh;
 - Sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử;
 - Hỗ trợ nước uống;
 - Hỗ trợ tiền vệ sinh trường học;
 - Văn phòng phẩm, phô tô đề kiểm tra định kỳ;
 - Tổ chức thi thử cho học sinh cuối cấp THPT và Bổ túc THPT;
 - Dịch vụ trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp;
 - Dịch vụ bằng tốt nghiệp (kể cả bản sao);
 - Thi tuyển vào lớp 10 (chỉ tính phần kinh phí các đơn vị tổ chức coi thi thi tuyển sinh);

2. Mức thu tối đa các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

(Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo Sở Giáo dục - Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để xây dựng cơ chế thu, chi phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với năng lực huy động, nhu cầu tại các vùng miền, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và không vượt quá các khoản thu, mức thu tối đa do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Chính quyền các cấp quan tâm hỗ trợ, có chính sách miễn, giảm đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trong việc thực hiện các khoản thu.

Đối với các cơ sở giáo dục đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, mức thu các khoản thu dịch vụ tính trừ phần ngân sách đã hỗ trợ.

Đối với các cơ sở giáo dục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính thì Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng mức thu trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi thực hiện, nhưng không vượt quá 30% mức thu quy định tại Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./


Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài chính;
- TVTU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Viện KSND, TAND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP:TU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, thành phố;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Website và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Ban VH-XH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang


Phụ lục
DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ
GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG TỪ NĂM HỌC 2021-2022
(Kèm theo Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021
của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục các khoản thu dịch vụ giáo dục	Mức thu tối đa
1	Dạy học 2 buổi/ngày; Học nghề và thi nghề phổ thông	
1.1	Dạy học 2 buổi/ngày	
	- Cấp học trung học cơ sở (THCS)	5.000 đồng/học sinh/tiết dạy
	- Cấp học trung học phổ thông (THPT) và bổ túc THPT	6.000 đồng/học sinh/tiết dạy
	- Dạy học 2 buổi/ngày cấp học Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hiện thí điểm trường trọng điểm chất lượng cao hoặc trường thực hiện mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế	15.000 đồng/học sinh/tiết dạy
1.2	Học nghề và thi nghề phổ thông	
	- Học nghề cấp học THPT và bổ túc THPT	3.500 đồng/học sinh/tiết dạy
	- Thi nghề phổ thông	60.000 đồng/học sinh/đợt thi
2	Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục	
2.1	Chi trả tiền thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú các cấp học	
	- Cấp học mầm non (<i>Đây là khoản thu tiền tổ chức bán trú không bao gồm tiền thuê khoán cho người nấu ăn thực hiện theo Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về thực hiện chế độ lương và hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với hợp đồng vị trí nấu ăn trong các trường mầm non công lập tỉnh Quảng Trị</i>)	300.000 đồng/tháng/học sinh
	- Cấp học tiểu học và THCS	200.000 đồng/học sinh/tháng
2.2	Chi phí mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng	

an

TT	Danh mục các khoản thu dịch vụ giáo dục	Mức thu tối đa
	cá nhân cho học sinh bán trú	
	- Đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu	300.000 đồng/học sinh/năm học
	- Những năm tiếp theo: Tính chi phí mua sắm vật dụng dùng cho học sinh, chi phí khấu hao vật dụng dùng chung	150.000 đồng/học sinh/năm học
3	Tiền ăn tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục	
	Cấp học mầm non, tiểu học	20.000 đồng/học sinh/ngày
	Cấp học THCS, THPT	25.000 đồng/học sinh/ngày
4	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong các cơ sở giáo dục công lập vào các ngày nghỉ, ngày hè	40.000 đồng/học sinh/ngày
5	Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường: Tổ chức dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục tăng cường, giáo dục Ngoại ngữ, Tin học; giáo dục STEM; dạy học phát triển năng lực theo môn học; giáo dục kỹ năng mềm; dạy học phát triển năng khiếu thể dục thể thao...Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.	10.000 đồng/học sinh/tiết dạy
6	Dịch vụ phục vụ học sinh	
6.1	Phù hiệu, thẻ học sinh; sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử	
	- Phù hiệu, thẻ học sinh	15.000 đồng/học sinh/khóa học
	- Sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử	40.000 đồng/học sinh/năm học
6.2	Hỗ trợ nước uống (*)	10.000 đồng/học sinh/tháng
6.3	Hỗ trợ tiền vệ sinh trường học (*)	10.000 đồng/học sinh/tháng
6.4	Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra	
	- Văn phòng phẩm, phô tô đề kiểm tra định kì	40.000 đồng/học sinh/năm học
	- Tổ chức thi thử cho học sinh cuối cấp THPT và BT THPT	40.000 đồng/học sinh/lần thi

TT	Danh mục các khoản thu dịch vụ giáo dục	Mức thu tối đa
6.5	Dịch vụ trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp	100.000 đồng/học sinh/hoạt động (mỗi năm học không quá 3 hoạt động)
6.6	Dịch vụ bằng tốt nghiệp (kể cả bản sao)	20.000 đồng/cái
6.7	Thi tuyển vào lớp 10 (chỉ tính phần kinh phí các đơn vị tổ chức coi thi tuyển sinh)	130.000 đồng/học sinh/đợt thi

**Phần tăng thêm so với định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác y tế trường học.*